TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ DẦU
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 45/2019/HNGĐ-ST
Ngày 12- 6-2019
V/v "Tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn, nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Lê Minh Hiếu
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Văn Ninh
2. Bà Võ Thị Hồng Linh

- ***Thư ký phiên toà***: Bà Lưu Thị Mỹ Linh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

Ngày 12 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 277/2019/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2019 về "Tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn, nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn N, sinh năm: 1981,
Địa chỉ: Đội 8, thôn TL, xã AT, huyện HA, tỉnh Bình Định.
Tạm trú: Số 279, đường H, Khu phố 7, Phường 3, TP.TN, tỉnh Tây Ninh.
- Bị đơn: Chị Trần Thị Mỹ H, sinh năm: 1984,
Địa chỉ: Ô1/133A, khu phố TH, thị trấn GD, tỉnh Tây Ninh.

Anh N và chị H có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12-4-2019, trong quá trình giải quyết vụ án anh Nguyễn Văn N trình bày:

Vợ chồng anh chị sống chung đăng ký kết hôn vào tháng 7-2018, có tổ chức lễ cưới, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã AT. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung bên gia đình vợ, đến tháng 12-2018 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nên anh bỏ đi đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn do: Vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm nên cuộc sống vợ chồng không được hạnh phúc. Từ ngày vợ chồng

ly thân đến nay mạnh ai nấy sống, không bàn việc đoàn tụ lại, nay tình cảm không còn nên anh muốn được ly hôn. Anh đồng ý giao vợ anh tiếp tục nuôi con, anh không cấp dưỡng. Tài sản chung và nợ chung không có nên anh không yêu cầu giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 03-6-2019 chị Trần Thị Mỹ H trình bày:

Vợ chồng anh chị sống chung vào năm 2014. Về nguyên nhân mâu thuẫn: Vợ chồng không hợp, không hạnh phúc nên đã ly thân một năm nay. Nay anh N yêu cầu ly hôn thì chị đồng ý lý hôn. Chị yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt chị, chị bận buôn bán.

Về con chung: Chị đồng ý tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục 01 con chung tên Nguyễn Hồng N, sinh ngày 02-02-2015. Chị không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Nguyễn Văn N và chị Trần Thị Mỹ H có yêu cầu giải quyết vắng mặt, Hội đồng xét xử (HĐXX) tiến hành xét xử vắng mặt là phù hợp với Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn N và chị Trần Thị Mỹ H chung sống với nhau từ năm 2014, đăng ký kết hôn vào tháng 7-2018 tại Ủy ban nhân dân xã AT, huyện HA, tỉnh Bình Định. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Anh N có yêu cầu ly hôn, Toà án thụ lý giải quyết theo thủ tục chung là phù hợp với khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét yêu cầu ly hôn của anh N, Hội đồng xét xử xét thấy: Do anh chị tính tình không hợp nhau, anh chị chưa thực sự quan tâm, chăm sóc, chia sẽ và giúp đỡ nhau để xây dựng gia đình hạnh phúc, dẫn đến vợ chồng anh chị mâu thuẫn và sống ly thân từ tháng 12-2018 đến nay không hàn gắn được. Nay trong quá trình giải quyết vụ án anh chị cùng có yêu cầu ly hôn. Xét thấy, mâu thuẫn của anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân của anh chị không đạt được. Anh chị đều có yêu cầu được ly hôn. Từ ngày Tòa án thụ lý vụ án đến nay, Tòa án đã tổ chức các phiên họp để hòa giải, tạo điều kiện cho anh chị đoàn tụ vợ chồng nhưng chị H yêu cầu được giải quyết vắng mặt, nay anh chị đã quyết định ly hôn, Hội đồng xét xử xét thấy chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh N là phù hợp.

[3] Về con chung: Anh chị thống nhất hiện có 01 cháu tên: Nguyễn Hồng N, sinh ngày 02-02-2015, hiện chị H đang trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh chị thống nhất giao chị H được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo

dục con chung, anh N không cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, việc thỏa thuận người trực tiếp nuôi con của anh chị là tự nguyện nên cần giao cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu N là phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung: Anh chị khai không có, không yêu cầu nên không giải quyết.

[5] Về nợ chung: Anh chị khai không có, không yêu cầu nên không giải quyết.

[6] Về án phí: Anh N chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30-12-2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 147, 228 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30-12-2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1.Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Nguyễn Văn N đối với chị Trần Thị Mỹ H. Anh N được ly hôn với chị H.

2.Về con chung: Giao chị Trần Thị Mỹ H được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu: Nguyễn Hồng N, sinh ngày 02-02-2015. Anh N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh N có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Anh chị khai không có, không yêu cầu nên không giải quyết.

4. Về nợ chung: Anh chị khai không có, không yêu cầu nên không giải quyết.

5. Về án phí: Anh N chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0009036 ngày 12-4-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh, anh N đã nộp đủ tiền án phí.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- CC THADS huyện Gò Dầu;
- UBND xã AT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Lê Minh Hiếu